TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Lương Anh

Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Cao Thị Bích Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2023 về việc:*"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Mỹ H, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: số S đường T, Phường U, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc Hồng S, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: số S đường T, Phường U, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn Hoàng Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày

09/8/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường U, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là quan điểm sống khác biệt, từ kinh tế gia đình đến các mặt trong cuộc sống đều không có sự san sẻ từ ông S, ông S không quan tâm gì đến gia đình. Do không còn tình cảm nên hai ông bà cứ gặp nhau là cãi nhau, mặc dù được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải hàn gắn và bà cũng cho ông S nhiều cơ hội nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện, bà và ông S cũng đã không còn chung sống với nhau. Đến nay, bà nhận thấy không thể sống chung với ông S nữa nên đề nghị ly hôn với ông S.

Về con chung: ông bà có ba con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 01/11/2017; Phạm Thế C, sinh ngày 10/10/2013; Phạm Hoàng T, sinh ngày 05/7/2012. Hiện các con sống cùng ông S tại nhà bà nội, việc đưa đón các cháu đi học có bà nội và chú ruột phụ giúp. Do ông S có nguyện vọng nuôi con nên bà đồng ý sau khi ly hôn sẽ giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai, bị đơn Phạm Ngọc Hồng S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường U, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn vì quan điểm sống khác biệt, hay cãi vã lẫn nhau. Mặc dù được nhiều lần hàn gắn nhưng không đi đến kết quả, không ai quan tâm đến ai, mục đích hàn gắn không đạt được nên đề nghị Tòa án cho ông bà ly hôn.

Về con chung: ông bà có ba con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 01/11/2017; Phạm Thế C, sinh ngày 10/10/2013; Phạm Hoàng T, sinh ngày 05/7/2012. Ông đề nghị được giao cho ông trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Ông làm vườn, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2023, các cháu Phạm Hoàng T, Phạm Thế C có nguyện vọng được sống cùng hai bố mẹ.

Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng bà H, ông S nhưng chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H và ông S được ly hôn.

Về con chung: giao các con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 01/11/2017; Phạm Thế C, sinh ngày 10/10/2013; Phạm Hoàng T, sinh ngày 05/7/2012 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"Tranh chấp ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị Mỹ H và bị đơn Phạm Ngọc Hồng S. Theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Phạm Ngọc Hồng S được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tham gia tố tụng, bà H, ông S đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, mặc dù nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả nên đều có nguyện vọng được ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H, ông S đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông S.

Về con chung: ông bà có ba con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 01/11/2017, Phạm Hoàng T, sinh ngày 04/7/2012, Phạm Thế C, sinh ngày 10/10/2013. Bà H trình bày hiện nay các con đang sống cùng ông S tại nhà bà nội, việc đưa đón các con đi học có bà nội và chú ruột phụ giúp, bà đề nghị sau khi ly hôn sẽ giao ba con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông S đề nghị được giao cho ông trực tiếp nuôi con chung và trình bày ông làm vườn, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, trong thời gian ông bà không sống chung thì các con sống cùng ông S và việc thỏa thuận về việc nuôi con của hai ông bà không trái pháp luật, do vậy, để đảm bảo cho sự ổn định cuộc sống của các con, Hội đồng xét xử giao các con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: hai ông bà không có.

Về án phí: bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Mỹ H. Bà Hoàng Thị Mỹ H và ông Phạm Ngọc Hồng S được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 01/11/2017; Phạm Thế C, sinh ngày 10/10/2013; Phạm Hoàng T, sinh ngày 05/7/2012 cho ông Phạm Ngọc Hồng S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Hoàng Thị Mỹ H không cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Hoàng Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011570 ngày 28/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đương sự

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- UBND Phường U, Tp Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Lý